

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 3 Năm học 2024 - 2025
Môn thi: Chuẩn đầu ra tiếng Anh C1

MMH:(ENGL4099) Ngày thi: 20/07/2025

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
1	2257010001	Bùi Thúy Ái							Vắng thi
2	2057010001	Bùi Thị Khánh An		46	51	56	510	Không đạt	
3	2257012001	Danh Thùy An		48	38	52	460	Không đạt	
4	2157010004	Lê Nguyễn Bình An		54	66	55	583	Đạt	
5	1857010002	Lê Quốc An		52	62	67	603	Đạt	
6	2157010005	Lê Thị Khánh An		46	63	58	557	Đạt	CTr. CL cao
7	2057012004	Nguyễn Mỹ An		50	58	53	537	Không đạt	CTr. CL cao
8	2257012006	Phan Nhật Duy An		53	47	49	497	Không đạt	CTr. CL cao
9	2157010014	Đoàn Phạm Huỳnh Anh		54	58	64	587	Đạt	CTr. CL cao
10	2157010019	Lê Nguyễn Mai Anh		56	49	55	533	Không đạt	CTr. CL cao
11	2257010006	Ngô Lê Phương Anh		56	66	68	633	Đạt	CTr. CL cao
12	2257010007	Ngô Thị Hải Anh		51	53	55	530	Không đạt	
13	2057012012	Nguyễn Dương Ngọc Anh		49	42	50	470	Không đạt	CTr. CL cao
14	2157010026	Nguyễn Huỳnh Minh Anh		43	41	53	457	Không đạt	
15	2057012013	Nguyễn Minh Anh		50	38	44	440	Không đạt	CTr. CL cao
16	1857010012	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh		49	53	56	527	Không đạt	
17	1957012015	Nguyễn Tuyết Anh		52	58	65	583	Đạt	CTr. CL cao
18	2057010045	Phạm Thị Kiều Anh		49	57	49	517	Không đạt	
19	2157010043	Phạm Thúy Anh		54	49	55	527	Không đạt	CTr. CL cao
20	2157010039	Phan Thị Vân Anh		62	56	64	607	Đạt	CTr. CL cao
21	2057010056	Trần Lê Quỳnh Anh							Vắng thi
22	2357010023	Trần Mỹ Anh		59	50	63	573	Đạt	CTr. CL cao
23	2257012012	Trần Ngọc Trâm Anh		49	43	48	467	Không đạt	
24	1757010016	Trần Quốc Anh		54	40	54	493	Không đạt	
25	2257010008	Trương Việt Anh		50	50	53	510	Không đạt	
26	2057012018	Kiều Kim Ánh		51	67	48	553	Đạt	CTr. CL cao
27	2257012008	Lê Thị Ánh		49	42	54	483	Không đạt	CTr. CL cao
28	2057010073	Nguyễn Lê Thanh Ân		51	56	57	547	Không đạt	CTr. CL cao
29	2257012014	Lưu Gia Bảo		57	52	58	557	Đạt	
30	2157013005	Nguyễn Gia Bảo		64	61	64	630	Đạt	CTr. CL cao
31	2257012015	Nguyễn Hoàng Bảo		48	45	55	493	Không đạt	
32	2057012021	Trần Gia Bảo		51	62	54	557	Đạt	CTr. CL cao
33	2157010067	Trần Huỳnh Bảo		62	54	65	603	Đạt	CTr. CL cao

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
34	2157013006	Nguyễn Huy	Bình	49	42	58	497	Không đạt	CTr. CL cao
35	2057012024	Phan Đặng Nguyên	Bình	54	48	46	493	Không đạt	CTr. CL cao
36	2257012017	Võ Như	Bình	43	29	51	410	Không đạt	
37	2357010039	Trương Hoàng	Bửu	52	49	59	533	Không đạt	CTr. CL cao
38	2157010088	Trần Xuân	Công	56	56	51	543	Không đạt	CTr. CL cao
39	2257010014	Võ Thị Kim	Cương	36	33	45	380	Không đạt	
40	2257010011	Lê Nguyễn Ngọc	Châu	47	37	56	467	Không đạt	
41	2054022011	Mai Nguyễn Trân	Châu	49	41	67	523	Không đạt	CTr. CL cao
42	2257012019	Nguyễn Hoài Bảo	Châu	48	48	52	493	Không đạt	
43	2257010013	Huỳnh Thị Kim	Chi	53	65	60	593	Đạt	CTr. CL cao
44	2057010107	Lâm Đạo	Chương	51	60	58	563	Đạt	CTr. CL cao
45	2257012022	Huỳnh Đỗ Thành	Danh	48	37	56	470	Không đạt	
46	2157013008	Trần Tuấn	Danh						Vắng thi
47	2157013009	Lê Lưu	Dân	44	44	58	487	Không đạt	CTr. CL cao
48	2157010098	Ngô Tùng	Diệp	47	35	39	403	Không đạt	CTr. CL cao
49	2157010099	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	41	37	42	400	Không đạt	
50	2157010100	Phạm Minh	Diệu	48	61	64	577	Đạt	CTr. CL cao
51	1857010055	Ka	Đôi						Vắng thi
52	2257010020	Trần Trí	Dũng	58	60	64	607	Đạt	
53	2157010115	Lê Trần Khánh	Duy	46	38	36	400	Không đạt	
54	2157013013	Nguyễn Phương	Duy	52	42	57	503	Không đạt	CTr. CL cao
55	2257012030	Nguyễn Võ Minh	Duy	49	48	63	533	Không đạt	
56	2057010124	Phạm Đức	Duy	41	44	48	443	Không đạt	CTr. CL cao
57	2257010023	Phạm Nhật	Duy	42	35	47	413	Không đạt	
58	2157010121	Bùi Thị Thúy	Duyên	53	50	56	530	Không đạt	
59	2157013014	Huỳnh Nguyễn Trúc	Duyên	51	42	58	503	Không đạt	CTr. CL cao
60	2257010024	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	47	65	68	600	Đạt	
61	1957012045	Trần Thị Mỹ	Duyên	49	38	56	477	Không đạt	CTr. CL cao
62	2257010021	Lê Thùy	Dương	51	45	57	510	Không đạt	
63	2157010135	Nguyễn Thị Hồng	Đào	46	40	51	457	Không đạt	
64	2157010141	Nguyễn Thành	Đạt	49	62	60	570	Đạt	
65	2157010145	Đường Minh Hải	Đăng	55	46	61	540	Đạt	
66	2257010016	Bùi Thực	Đoan	59	61	57	590	Đạt	CTr. CL cao
67	2257010019	Trương Phan Hoài	Đức	50	45	54	497	Không đạt	
68	2257010025	Trần Thanh	Gen	48	45	54	490	Không đạt	
69	2157010158	Lương Nguyễn Quỳnh	Giao	54	66	68	627	Đạt	CTr. CL cao
70	2257012036	Nguyễn Ngọc	Giàu	47	33	45	417	Không đạt	CTr. CL cao
71	2257012039	Ngô Diệp	Hà	54	48	53	517	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
72	2257010026	Lê Hoàng Tuấn	Hải	48	50	59	523	Không đạt	
73	2157010171	Lê Trung	Hải	57	46	58	537	Không đạt	CTr. CL cao
74	2057010186	Nguyễn Thị Diễm	Hằng						Vắng thi
75	2157010183	Phạm Kim Thiên	Hạnh	45	37	50	440	Không đạt	CTr. CL cao
76	2257012046	Lý Anh	Hào	53	45	54	507	Không đạt	
77	2257012047	Trương Kế	Hào	54	58	63	583	Đạt	
78	2157010197	Giang Thị Ngọc	Hân	47	56	54	523	Không đạt	
79	2257010027	Hà Thúy	Hân	51	42	55	493	Không đạt	CTr. CL cao
80	2157010198	Huỳnh Ngọc	Hân	51	52	59	540	Không đạt	CTr. CL cao
81	2157010201	Lê Ngọc Gia	Hân	51	58	63	573	Đạt	
82	2157013021	Ngô Thị Nhã	Hân	48	66	68	607	Đạt	CTr. CL cao
83	2157013022	Nguyễn Ngọc Gia	Hân						Vắng thi
84	1957010070	Trần Gia	Hân	53	45	57	517	Không đạt	CTr. CL cao
85	2157010213	Trần Nguyễn Gia	Hân						Vắng thi
86	2257012050	Hoàng Thị Thanh	Hiên						Vắng thi
87	2157010226	Nguyễn Thị Thu	Hiên	48	65	60	577	Đạt	
88	2157010227	Nguyễn Thúy	Hiên	48	58	58	547	Đạt	
89	2057010221	Trần Thu	Hiên	48	33	51	440	Không đạt	
90	2157013025	Vũ Đức	Hiệp						Vắng thi
91	1853010046	Đinh Duy	Hiếu						Vắng thi
92	2057010226	Trần Trung	Hiếu	62	65	67	647	Đạt	CTr. CL cao
93	2157013028	Trương Quỳnh	Hoa	45	35	49	430	Không đạt	
94	1857010114	La Quốc	Hòa	57	52	67	587	Đạt	
95	1957010091	Lê Nguyễn Hiên	Hòa	47	38	49	447	Không đạt	CTr. CL cao
96	1957010086	Nguyễn Thị Vân	Hòa	36	35	38	363	Không đạt	CTr. CL cao
97	2257010036	Cao Thanh	Hoài	45	41	48	447	Không đạt	CTr. CL cao
98	2157010240	Lê Thị Thu	Hoài	51	62	64	590	Đạt	CTr. CL cao
99	2157013030	Nguyễn Nhật	Hoàng	52	37	61	500	Không đạt	CTr. CL cao
100	2257010038	Võ Minh	Hoàng	56	62	61	597	Đạt	CTr. CL cao
101	2057010253	Đỗ Gia	Huy						Vắng thi
102	1857010119	Huỳnh Trang Thuận	Huy	49	63	58	567	Đạt	
103	2257010044	Lê Gia	Huy	51	33	65	497	Không đạt	
104	2257012062	Lưu Hoàng Gia	Huy	59	54	58	570	Đạt	CTr. CL cao
105	2357010104	Mai Đức	Huy	57	52	63	573	Đạt	CTr. CL cao
106	2254052029	Nguyễn Quang	Huy	33	40	46	397	Không đạt	
107	2257012068	Trần Quang	Huy	56	48	65	563	Đạt	
108	2257012072	Nguyễn Thị Minh	Huyền						Vắng thi
109	2257012073	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	54	62	55	570	Đạt	

STT	MSSV	Họ và tên	Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
110	2157010271	Nguyễn Huỳnh	54	45	53	507	Không đạt	
111	2257012056	Đỗ Ngọc Nguyên Hưng	50	53	56	530	Không đạt	CTr. CL cao
112	2157013036	Nguyễn Hữu Hưng	46	58	49	510	Không đạt	
113	2257012058	Nguyễn Thị Cẩm Hương	45	42	56	477	Không đạt	
114	2257010043	Nguyễn Thị Huyền Hương	46	41	61	493	Không đạt	CTr. CL cao
115	2067010023	Trần Thị Hương	36	33	36	350	Không đạt	
116	2257012060	Võ Thu Hương	46	40	48	447	Không đạt	
117	2057010330	Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt	45	50	55	500	Không đạt	CTr. CL cao
118	2157010314	Trịnh Gia Kiệt	59	47	51	523	Không đạt	
119	2257010052	Đỗ Nguyễn Bằng Kiều	59	48	60	557	Đạt	
120	2067010025	Nguyễn Trung Kiên	52	31	42	417	Không đạt	
121	2257010053	Dương Quốc Kỳ	44	38	52	447	Không đạt	
122	2257012075	Đoàn Phùng Diệp Kha	50	41	61	507	Không đạt	
123	2254050024	Nguyễn Hoàng Kha	40	29	40	363	Không đạt	
124	1857010138	Đinh Quang Khải	49	64	63	587	Đạt	
125	2157013040	Văn Hoàng Khanh	51	45	56	507	Không đạt	
126	2157010297	Nguyễn Hữu Lam Khánh	56	47	59	540	Đạt	
127	2057012062	Ngô Hoàng Đăng Khoa	61	62	64	623	Đạt	
128	2357010131	Nguyễn Phạm Anh Khoa						Vắng thi
129	2354050055	Trần Đăng Khoa	47	43	59	497	Không đạt	
130	2257012080	Võ Anh Khoa	57	46	55	527	Không đạt	
131	2157010306	Nguyễn Văn Tuấn Khôi						Vắng thi
132	2357010137	Trần Anh Khôi	56	46	54	520	Không đạt	CTr. CL cao
133	2257010051	Đàng Nhật Xuân Khuyên						Vắng thi
134	2257012086	Đoàn Ngọc Phương Lam	45	43	51	463	Không đạt	CTr. CL cao
135	2157013044	Ngô Thị Thạch Lam	51	46	60	523	Không đạt	
136	2057012068	Võ Thị Tú Lan	52	67	61	600	Đạt	CTr. CL cao
137	2257012087	Nguyễn Thị Ngọc Lâm	48	50	64	540	Đạt	
138	2157013046	Phan Thị Mỹ Liên	56	67	57	600	Đạt	CTr. CL cao
139	2157010333	Bùi Nguyễn Phương Linh	51	65	59	583	Đạt	
140	2157013047	Bùi Thị Thùy Linh	45	40	42	423	Không đạt	
141	2157010334	Đào Nguyễn Hồng Linh	48	44	42	447	Không đạt	
142	2157013048	Hoàng Ánh Linh	59	65	61	617	Đạt	CTr. CL cao
143	1957010120	Lê Thị Thùy Linh	49	58	56	543	Không đạt	CTr. CL cao
144	2157013049	Lý Gia Linh						Vắng thi
145	2157013050	Nguyễn Ánh Hoài Linh	56	67	64	623	Đạt	CTr. CL cao
146	2157010345	Nguyễn Hồng Ngọc Linh	48	40	47	450	Không đạt	CTr. CL cao
147	2157010353	Phan Nguyễn Trúc Linh	54	43	52	497	Không đạt	CTr. CL cao

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
148	21H70B0006	Trần Thị Mỹ	Linh	44	66	49	530	Không đạt	
149	2257010056	Trương Thị Thùy	Linh	53	66	65	613	Đạt	
150	2257012094	Võ Huỳnh Phương	Linh	47	33	44	413	Không đạt	CTr. CL cao
151	2257012095	Võ Trương Khánh	Linh	49	38	53	467	Không đạt	CTr. CL cao
152	2157013053	Đoàn Lưu	Luyến	48	65	59	573	Đạt	CTr. CL cao
153	2157010365	Đinh Nguyễn Mỹ	Ly	45	43	43	437	Không đạt	
154	2257010059	Mai Hoàng Cẩm	Ly	48	66	64	593	Đạt	
155	2157013055	Nguyễn Thị Thảo	Ly	47	66	67	600	Đạt	CTr. CL cao
156	2157010367	Nguyễn Thị Trúc	Ly	55	64	59	593	Đạt	CTr. CL cao
157	2257010060	Bùi Lê Quỳnh	Mai	50	63	67	600	Đạt	CTr. CL cao
158	2057010403	Nguyễn Thị Thanh	Mai	45	51	54	500	Không đạt	
159	2157013058	Lư Triệu	Mẫn						Vắng thi
160	2157010379	Phạm Trần Gia	Mẫn	49	45	59	510	Không đạt	CTr. CL cao
161	2157013059	Trương Huệ	Mẫn	47	35	53	450	Không đạt	CTr. CL cao
162	2057010414	Nguyễn Ngọc Thúy	Mi	55	55	68	593	Đạt	CTr. CL cao
163	2057010420	Lê Hồng	Minh	45	46	48	463	Không đạt	CTr. CL cao
164	2257012106	Trần Ngọc	Minh						Vắng thi
165	2357010169	Dương Ngọc Trà	My	58	51	58	557	Đạt	CTr. CL cao
166	1957010144	Đoàn Thị Trà	My						Vắng thi
167	2257012108	Lê Trần Hà	My	56	60	64	600	Đạt	
168	2057010442	Võ Nguyễn Thảo	My						Vắng thi
169	2057010443	Lâm Gia	Mỹ	50	46	55	503	Không đạt	CTr. CL cao
170	2157010404	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	55	66	67	627	Đạt	CTr. CL cao
171	2257012114	Võ Hà	Na	61	67	59	623	Đạt	CTr. CL cao
172	2257010086	Quách Thị	Ni						Vắng thi
173	2257010064	Huỳnh Tố	Nga	42	56	52	500	Không đạt	CTr. CL cao
174	2157010412	Kiều Thị Thanh	Nga	51	65	49	550	Đạt	CTr. CL cao
175	2257010065	Nguyễn Thị Kiều	Nga						Vắng thi
176	1957012137	Nguyễn Thị	Ngà	47	59	61	557	Đạt	CTr. CL cao
177	2057010462	Đinh Thị Khánh	Ngân	47	29	42	393	Không đạt	CTr. CL cao
178	2057012081	Lâm Thị Bích	Ngân	50	58	55	543	Không đạt	CTr. CL cao
179	2157010427	Lê Thị Mỹ	Ngân	53	41	56	500	Không đạt	CTr. CL cao
180	2157010428	Mai Huỳnh Kim	Ngân	58	64	54	587	Đạt	CTr. CL cao
181	2157010430	Mai Tuyết	Ngân	50	64	67	603	Đạt	CTr. CL cao
182	2257010066	Nguyễn Khánh	Ngân	56	66	55	590	Đạt	
183	2057010475	Nguyễn Thị Kim	Ngân	45	52	50	490	Không đạt	CTr. CL cao
184	2257012118	Nguyễn Thị Phương	Ngân						Vắng thi
185	2157013064	Phạm Võ Kim	Ngân	58	65	51	580	Đạt	CTr. CL cao

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
186	1957010169	Trần Tuyết	Ngân	52	58	67	590	Đạt	
187	1957012144	Trương Kim	Ngân	52	48	54	513	Không đạt	
188	2257012125	Lâm Bội	Nghi	50	57	57	547	Đạt	
189	2057010489	Lâm Gia	Nghi	44	55	43	473	Không đạt	CTr. CL cao
190	2257010069	Nguyễn Huỳnh Gia	Nghi	47	45	56	493	Không đạt	
191	2157010444	Nguyễn Lê Dung	Nghi	47	50	57	513	Không đạt	
192	2257010070	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	50	64	58	573	Đạt	
193	2357010192	Nguyễn Phương	Nghi	56	51	57	547	Không đạt	CTr. CL cao
194	2257010071	Nguyễn Thị Tuyết	Nghi	50	59	60	563	Đạt	
195	2157013066	Phương Hồng	Nghi	47	40	50	457	Không đạt	
196	2157013067	Đỗ Minh	Ngọc	53	47	53	510	Không đạt	CTr. CL cao
197	2257012128	Hoàng Phương Bảo	Ngọc						Vắng thi
198	2257012129	Huỳnh Thị Khánh	Ngọc	56	47	56	530	Không đạt	CTr. CL cao
199	2157010453	Lê Nguyễn Yến	Ngọc	47	52	51	500	Không đạt	
200	2157010454	Lê Thị Hồng	Ngọc	43	57	59	530	Không đạt	CTr. CL cao
201	2157013069	Lý Bảo	Ngọc	54	43	58	517	Không đạt	CTr. CL cao
202	2257010072	Ngô Bảo	Ngọc	54	42	61	523	Không đạt	CTr. CL cao
203	2057012087	Nguyễn Kim	Ngọc	56	64	65	617	Đạt	CTr. CL cao
204	2157010459	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	42	43	38	410	Không đạt	CTr. CL cao
205	2157010460	Nguyễn Thị Uyên	Ngọc	47	56	54	523	Không đạt	
206	2157010461	Nguyễn Thoại Bảo	Ngọc	52	46	55	510	Không đạt	CTr. CL cao
207	2157013071	Phan Trần Minh	Ngọc	56	58	68	607	Đạt	
208	2257010075	Trần Thị Bích	Ngọc	53	56	52	537	Đạt	
209	2457012183	Trần Thùy Yến	Ngọc	46	33	45	413	Không đạt	CTr. CL cao
210	2257012131	Trương Hoàng Bảo	Ngọc	50	35	54	463	Không đạt	CTr. CL cao
211	2257012137	Trần Xuân	Nguyệt	41	57	57	517	Không đạt	
212	1957010188	Huỳnh Thị Kim	Nguyên	47	52	58	523	Không đạt	
213	2057010522	Nguyễn Khôi	Nguyên						Vắng thi
214	2257010076	Nguyễn Trương Thanh	Nguyên	49	66	56	570	Đạt	
215	2157010483	Tân Nguyễn Thu	Nhàn	49	64	59	573	Đạt	
216	2057010538	Dương Nguyễn Ý	Nhi	46	38	43	423	Không đạt	CTr. CL cao
217	2057012091	Lê Thị Hoài	Nhi	50	40	58	493	Không đạt	CTr. CL cao
218	2157010945	Mang Diệu	Nhi	40	38	46	413	Không đạt	
219	2257010080	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhi	45	35	56	453	Không đạt	CTr. CL cao
220	2257012142	Nguyễn Thị Phương	Nhi						Vắng thi
221	2257012143	Nguyễn Thị Uyển	Nhi						Vắng thi
222	2257012145	Nguyễn Thị Xuân	Nhi	54	64	63	603	Đạt	CTr. CL cao
223	2257012146	Nguyễn Thùy Yến	Nhi	47	43	50	467	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
224	2057012095	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	44	56	61	537	Không đạt	CTr. CL cao
225	2257012156	Trần Thị Tuyết	Nhung	48	38	38	413	Không đạt	CTr. CL cao
226	1957010209	Lai Thanh Phương	Như	62	52	57	570	Đạt	CTr. CL cao
227	2257012150	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	52	44	55	503	Không đạt	
228	2257012151	Lê Yến	Như	49	45	53	490	Không đạt	
229	2157010520	Mai Trần Phương	Như	45	40	53	460	Không đạt	CTr. CL cao
230	2057010590	Nguyễn Dương Ngọc	Như	40	41	45	420	Không đạt	
231	2257012153	Nguyễn Ngọc	Như	48	48	51	490	Không đạt	
232	2357010231	Nguyễn Quỳnh	Như	55	49	56	533	Không đạt	CTr. CL cao
233	2257012154	Nguyễn Tâm	Như	47	65	63	583	Đạt	
234	1957012171	Phạm Thị Quỳnh	Như	50	56	55	537	Đạt	
235	2357010233	Trần Lâm	Như	55	44	60	530	Không đạt	CTr. CL cao
236	2057010600	Trần Lâm Quỳnh	Như						Vắng thi
237	2157010531	Vũ Hoàng Quỳnh	Như						Vắng thi
238	2257010087	Nguyễn Lê Hồng	Phấn						Vắng thi
239	2257012162	Đỗ Xuân	Phong	46	46	54	487	Không đạt	
240	2357010238	Hoàng Đại	Phong	54	51	56	537	Không đạt	CTr. CL cao
241	2257012163	Nguyễn Hoàng Thanh	Phong	52	47	58	523	Không đạt	
242	2357010240	Hồ Hoàng Gia	Phú	62	56	57	583	Đạt	CTr. CL cao
243	2257010089	Cao Nguyễn Bửu	Phúc	54	53	63	567	Đạt	
244	2157010543	Nguyễn Đăng	Phúc	52	63	64	597	Đạt	CTr. CL cao
245	2157010550	Vĩnh Bảo	Phúc	48	60	54	540	Không đạt	CTr. CL cao
246	2257010090	Võ Thị Hồng	Phúc	51	46	61	527	Không đạt	
247	2157010551	Nguyễn Tuyết	Phụng	51	35	54	467	Không đạt	CTr. CL cao
248	2257012168	Trần Gia	Phụng	43	46	58	490	Không đạt	
249	2057010642	Nguyễn Hoàng Bích	Phượng	51	61	67	597	Đạt	
250	2257012173	Nguyễn Thị Bích	Phượng	56	66	68	633	Đạt	
251	2157010554	Bùi Nguyễn Uyên	Phương	55	66	65	620	Đạt	CTr. CL cao
252	21H70B0010	Đặng Hồng	Phương	45	41	48	447	Không đạt	
253	2257012170	Huỳnh Nhật Khánh	Phương	46	44	58	493	Không đạt	
254	2157010561	Nguyễn Hồ Thanh	Phương	50	44	45	463	Không đạt	CTr. CL cao
255	2257010091	Nguyễn Hồng Loan	Phương	56	52	65	577	Đạt	
256	2057012108	Nguyễn Thái	Quân	53	57	52	540	Không đạt	CTr. CL cao
257	2257010093	Trần Mỹ	Quý	49	35	53	457	Không đạt	CTr. CL cao
258	2257010094	Trần Cẩm	Quyên	50	40	51	470	Không đạt	CTr. CL cao
259	1857010294	Trần Thị	Quyên	36	46	47	430	Không đạt	CTr. CL cao
260	2157010601	Huỳnh Nguyễn Phương	Quỳnh	46	35	45	420	Không đạt	CTr. CL cao
261	2157010605	Lý Diễm	Quỳnh	43	66	52	537	Không đạt	CTr. CL cao

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
262	2357010270	Nguyễn Như Quỳnh	Quỳnh	49	40	54	477	Không đạt	CTR. CL cao
263	1957012208	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Quỳnh	52	60	64	587	Đạt	CTR. CL cao
264	2057010681	Nguyễn Thị Thanh Quỳnh	Quỳnh	44	63	58	550	Đạt	
265	2157013090	Trần Mai Quỳnh	Quỳnh	54	44	58	520	Không đạt	CTR. CL cao
266	2157010611	Trần Thị Như Quỳnh	Quỳnh	50	63	56	563	Đạt	
267	2257012185	Lê Thị Ngọc Sương	Sương	55	59	68	607	Đạt	
268	2157010617	Đỗ Cao Tài	Tài	54	65	57	587	Đạt	CTR. CL cao
269	2157013092	Tô Thanh Tài	Tài	52	52	61	550	Đạt	
270	2257010097	Nguyễn Quỳnh Như Tâm	Tâm	54	54	60	560	Đạt	
271	2257012187	Trần Minh Tâm	Tâm	54	48	54	520	Không đạt	
272	2257012237	Võ Lê Anh Tiến	Tiến	49	46	53	493	Không đạt	
273	2257010126	Võ Nguyễn Triệu Tiên	Tiên	43	58	40	470	Không đạt	
274	21H70B0013	Phan Thị Cẩm Tiên	Tiên	49	67	67	610	Đạt	
275	2257012235	Thông Thị Hà Tiên	Tiên	45	41	48	447	Không đạt	
276	2157010750	Võ Thị Thủy Tiên	Tiên	51	66	67	613	Đạt	
277	2257010128	Lê Song Toàn	Toàn	57	65	58	600	Đạt	CTR. CL cao
278	2257010137	Nguyễn Ngọc Thanh Tú	Tú	58	66	68	640	Đạt	CTR. CL cao
279	2057010935	Nguyễn Thanh Tú	Tú	54	45	61	533	Không đạt	CTR. CL cao
280	2157013120	Nguyễn Anh Tuấn	Tuấn	50	45	51	487	Không đạt	
281	2257012263	Nguyễn Anh Tuấn	Tuấn	47	43	45	450	Không đạt	
282	2057010927	Nguyễn Lý Thanh Tuyên	Tuyên	50	58	47	517	Không đạt	CTR. CL cao
283	2157010837	Nguyễn Phương Tuyên	Tuyên	52	60	59	570	Đạt	
284	2157013095	Phan Quốc Thái	Thái	52	65	68	617	Đạt	CTR. CL cao
285	2257012188	Võ Văn Thái	Thái	54	41	49	480	Không đạt	
286	2257012191	Trần Quốc Thắng	Thắng	53	50	60	543	Đạt	
287	1757010243	Bùi Thị Lệ Thanh	Thanh	52	55	65	573	Đạt	
288	2157010626	Nguyễn Ái Thanh Thanh	Thanh	54	64	67	617	Đạt	CTR. CL cao
289	2257010099	Nguyễn Duy Thanh	Thanh	54	52	48	513	Không đạt	
290	2257010100	Nguyễn Phạm Thanh Thanh	Thanh	56	54	58	560	Đạt	
291	1957010250	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	Thanh						Vắng thi
292	1757010246	Patâuxá Thị Thanh	Thanh	38	41	44	410	Không đạt	
293	2157010632	Võ Thị Phương Thanh	Thanh	51	64	49	547	Đạt	
294	2057012115	Vũ Ngọc Quế Thanh	Thanh	50	49	64	543	Không đạt	CTR. CL cao
295	1857010321	Nguyễn Công Thành	Thành	49	45	58	507	Không đạt	
296	2357010292	Nguyễn Tuấn Thành	Thành	54	45	55	513	Không đạt	CTR. CL cao
297	2257012195	Lê Ngọc Phương Thảo	Thảo	48	47	55	500	Không đạt	
298	2257010101	Lê Thị Ngọc Thảo	Thảo	46	66	63	583	Đạt	
299	2257012197	Lê Thừa Thanh Thảo	Thảo	49	37	50	453	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
300	2257012198	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	44	40	51	450	Không đạt	
301	2057010726	Nguyễn Thanh	Thảo	54	67	67	627	Đạt	
302	2157010648	Nguyễn Thanh	Thảo	54	64	45	543	Không đạt	CTr. CL cao
303	2157013099	Phan Thị Thanh	Thảo	44	33	48	417	Không đạt	
304	2257012201	Tạ Huỳnh	Thảo	52	33	48	443	Không đạt	CTr. CL cao
305	2257012203	Trần Thu	Thảo	51	27	46	413	Không đạt	
306	2157010662	Nguyễn Ngọc	Thi						Vắng thi
307	2257010103	Phạm Thị Anh	Thi	50	62	63	583	Đạt	
308	2257010104	Trần Mai	Thi	39	45	52	453	Không đạt	
309	1957012222	Lê Minh	Thống						Vắng thi
310	2257010107	Ngô Thị Thành	Thơ	54	67	65	620	Đạt	
311	2157010673	Nguyễn Thị Nhã	Thơ						Vắng thi
312	2257012208	Phạm Thị Anh	Thơ	49	35	49	443	Không đạt	
313	1857010345	Trần Thị Minh	Thơ	45	38	49	440	Không đạt	CTr. CL cao
314	2057010761	Đinh Thị Mộng	Thu	59	65	67	637	Đạt	
315	2057010764	Nguyễn Thị Xuân	Thu						Vắng thi
316	2257010116	Phùng Thị	Thu	54	63	61	593	Đạt	
317	1757010278	Vũ Thị	Thủy	49	47	55	503	Không đạt	
318	2057010776	Hứa Thanh	Thủy						Vắng thi
319	2257010122	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	46	48	45	463	Không đạt	CTr. CL cao
320	2057010768	Nguyễn Thị	Thuyền	56	60	53	563	Đạt	
321	2357010323	Đỗ Nguyễn Minh	Thư	61	55	64	600	Đạt	CTr. CL cao
322	2157010694	Đỗ Thị Anh	Thư	52	51	64	557	Đạt	
323	2257010109	Hoàng Ngọc Anh	Thư	54	59	58	570	Đạt	CTr. CL cao
324	2257012212	Huỳnh Anh	Thư	57	49	64	567	Đạt	
325	2157010698	Lê Nguyễn Huyền	Thư	53	57	60	567	Đạt	CTr. CL cao
326	2157010699	Lê Thị Anh	Thư	47	65	63	583	Đạt	
327	2257010111	Nguyễn Anh	Thư	57	67	64	627	Đạt	
328	2057010791	Nguyễn Anh	Thư	50	60	49	530	Không đạt	CTr. CL cao
329	2157010706	Nguyễn Anh	Thư	56	65	55	587	Đạt	CTr. CL cao
330	2257012213	Nguyễn Điền Huệ	Thư	48	40	49	457	Không đạt	CTr. CL cao
331	2257010112	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	40	41	52	443	Không đạt	
332	2257012218	Nguyễn Thanh	Thư	51	55	65	570	Đạt	
333	2257012220	Nguyễn Trúc Minh	Thư	54	64	63	603	Đạt	
334	2257010114	Phan Anh	Thư	46	57	61	547	Đạt	
335	2257012221	Phan Thị Anh	Thư	56	61	60	590	Đạt	
336	2157013110	Nguyễn Thị Hoài	Thương	52	50	50	507	Không đạt	CTr. CL cao
337	2157010733	Huỳnh Ngọc Anh	Thy	52	54	52	527	Không đạt	CTr. CL cao

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
338	2157010737	Vũ Bùi Mai	Thy						Vắng thi
339	2157010756	Đặng Huyền	Trang	44	62	53	530	Không đạt	
340	2157010760	Nguyễn Quỳnh	Trang	58	64	59	603	Đạt	CTr. CL cao
341	2157010762	Nguyễn Thị Huyền	Trang	47	66	52	550	Đạt	
342	1957012252	Nguyễn Thị Huyền	Trang	47	38	47	440	Không đạt	CTr. CL cao
343	2257012248	Thạch Thị Thu	Trang	51	58	61	567	Đạt	
344	2257010130	Võ Ngọc Hồng	Trang	44	62	51	523	Không đạt	CTr. CL cao
345	2057010861	Võ Thị Minh	Trang	50	41	55	487	Không đạt	
346	2057010864	Bùi Bảo	Trâm	48	62	42	507	Không đạt	CTr. CL cao
347	1757010301	Đinh Lê Thùy	Trâm	52	58	68	593	Đạt	CTr. CL cao
348	2157013114	Nguyễn Nhật Bảo	Trâm	48	57	61	553	Đạt	CTr. CL cao
349	2057010869	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm						Vắng thi
350	2257012241	Nguyễn Thị Thùy	Trâm						Vắng thi
351	1957010311	Phạm Ngọc	Trâm						Vắng thi
352	2057012136	Hoàng Bảo	Trân	56	33	52	470	Không đạt	CTr. CL cao
353	2157013115	Lê Phan Thu	Trân	61	52	67	600	Đạt	CTr. CL cao
354	1957012261	Lưu Huỳnh Bảo	Trân						Vắng thi
355	2157010785	Lý Huệ	Trân	50	33	49	440	Không đạt	CTr. CL cao
356	2157010786	Nguyễn Đặng Bảo	Trân	47	61	52	533	Không đạt	
357	1857010388	Nguyễn Tuyết	Trân	45	66	50	537	Đạt	
358	2057010880	Phạm Ngọc Bảo	Trân	50	63	38	503	Không đạt	CTr. CL cao
359	2257012249	Lê Nguyễn Minh	Trí	48	49	60	523	Không đạt	
360	2157010809	Trần Nguyễn Minh	Trí	51	66	65	607	Đạt	
361	2067010050	Nguyễn Phúc Hải	Triều	43	31	44	393	Không đạt	
362	2057010890	Hồ Thị Diễm	Trình	45	62	57	547	Đạt	
363	2257012251	Lê Cao Khánh	Trình	58	50	53	537	Đạt	
364	2257010133	Lý Ngọc	Trình	46	56	48	500	Không đạt	CTr. CL cao
365	2257010134	Nguyễn Thị Thùy	Trình	51	64	47	540	Không đạt	CTr. CL cao
366	2257012252	Nguyễn Trần Mai	Trình	50	42	50	473	Không đạt	
367	2157010805	Trần Ngọc	Trình	54	59	57	567	Đạt	CTr. CL cao
368	2257012253	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc						Vắng thi
369	1757010320	Trần Thị Thanh	Trúc	43	43	55	470	Không đạt	
370	2257012254	Cao Điền	Trung	53	50	53	520	Không đạt	
371	2157010820	Đặng Nguyễn Quang	Trường	41	66	40	490	Không đạt	
372	2257012267	Bùi Nhật Khánh	Uyên	48	31	55	447	Không đạt	
373	2157013121	Dương Thị Tuệ	Uyên	49	40	53	473	Không đạt	CTr. CL cao
374	2257012268	Lê Nguyễn Hoàng	Uyên	50	45	44	463	Không đạt	CTr. CL cao
375	2157010863	Phạm Phương	Uyên	47	52	44	477	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên	Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
376	2257012272	Phan Thu Uyên	49	66	67	607	Đạt	
377	2157010867	Vũ Lê Uyên	62	65	63	633	Đạt	CTr. CL cao
378	2257010140	Bùi Ngọc Anh Vân	55	63	51	563	Đạt	CTr. CL cao
379	2157010875	Nguyễn Thị Thúy Vân	54	62	60	587	Đạt	CTr. CL cao
380	2157010876	Nguyễn Trúc Vân	62	64	60	620	Đạt	
381	2157013125	Phù Thanh Vân	46	57	63	553	Đạt	CTr. CL cao
382	2257012277	Hoàng Thị Tường Vi	56	58	57	570	Đạt	
383	2157010881	Lê Thị Khánh Vi	49	55	49	510	Không đạt	
384	2257012278	Nguyễn Ngọc Tường Vi	52	63	65	600	Đạt	
385	2157010884	Nguyễn Thị Ánh Vi	55	54	63	573	Đạt	CTr. CL cao
386	2257010143	Trần Phạm Tường Vi	55	67	64	620	Đạt	
387	2257010142	Lê Phương Vĩ	52	56	54	540	Đạt	
388	2257012279	Lê Hoàng Quốc Việt						Vắng thi
389	1957012299	Hồ Nhất Vinh	54	46	52	507	Không đạt	
390	2257012281	Nguyễn Trương Anh Vũ	55	43	55	510	Không đạt	
391	2057010967	Bùi Phạm Anh Vy	51	55	64	567	Đạt	CTr. CL cao
392	2057010968	Bùi Thúy Vy	48	65	50	543	Không đạt	CTr. CL cao
393	2157013127	Dương Thị Thanh Vy	55	64	68	623	Đạt	CTr. CL cao
394	2257012283	Đặng Thanh Vy	49	37	51	457	Không đạt	
395	2257012284	Đinh Thị Hà Vy	55	50	60	550	Đạt	
396	2157010898	Lê Đỗ Ngân Vy	52	67	65	613	Đạt	
397	2157010899	Lê Thị Thanh Vy	45	52	57	513	Không đạt	CTr. CL cao
398	2357010413	Lương Trúc Vy	56	49	56	537	Không đạt	CTr. CL cao
399	2157010902	Nguyễn Lê Vy	55	49	54	527	Không đạt	CTr. CL cao
400	2157013128	Nguyễn Thúy Vy	51	46	67	547	Không đạt	CTr. CL cao
401	2157010910	Nguyễn Thụy Tường Vy	50	45	54	497	Không đạt	CTr. CL cao
402	2157010915	Phạm Lợi Ngọc Vy	51	50	56	523	Không đạt	CTr. CL cao
403	2257012287	Trần Lam Nhật Vy	50	40	57	490	Không đạt	
404	2257012288	Trần Thị Hiền Vy	51	56	49	520	Không đạt	
405	2257012289	Trương Nguyễn Hiền Vy	46	33	49	427	Không đạt	CTr. CL cao
406	2257010148	Mai Trần Như Ý	41	46	51	460	Không đạt	
407	2257012291	Nguyễn Thị Như Ý	49	44	54	490	Không đạt	
408	2157013133	Nguyễn Hải Yến	54	58	58	567	Đạt	CTr. CL cao
409	1957012320	Trần Lưu Hải Yến	52	45	58	517	Không đạt	CTr. CL cao
410	2057011008	Trịnh Bảo Yến	39	31	39	363	Không đạt	CTr. CL cao
411	2157010938	Vũ Thị Hồng Yến	53	46	52	503	Không đạt	CTr. CL cao
412	2257012292	Hồ Thị Vĩnh Yên	41	38	51	433	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên	Nghe	Đọc	Viết	Điểm tổng	Năng lực	Ghi chú
-----	------	-----------	------	-----	------	-----------	----------	---------

Số sinh viên dự thi : 369

Số sinh viên vắng thi : 43

Số sinh viên đạt chuẩn : 147

TRƯỜNG PHÒNG

(Ký tên và ghi rõ họ và tên)

Ngày 24 tháng 7 năm 2025

CÁN BỘ TỔNG HỢP ĐIỂM

(Ký tên và ghi rõ họ và tên)

Lê Thị Vũ Anh

Nguyễn Thanh Hải